

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phân bổ kinh phí thực hiện chính sách
nông nghiệp, nông thôn 6 tháng cuối năm 2013**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 42/2012/NQ-HĐND ngày 20/12/2012 của HĐND tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 5 về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách và bố trí vốn đầu tư phát triển năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 4073/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 09/8/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2015, Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 14/3/2013 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2015, Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 15/8/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích sản xuất giống phát triển một số sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực giai đoạn 2012-2015;

Xét đề nghị của Liên ngành: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tại Văn bản số 04/LN-SNN-STC-NSHX ngày 03/01/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp kinh phí-thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn 06 tháng cuối năm 2013 theo Quyết định số 24/2011/QĐ-UBND ngày 09/8/2011, Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 14/3/2013, Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 15/8/2012 của UBND tỉnh, số tiền: 14.115.475.000 đồng cho các địa phương, đơn vị như Phụ lục kèm theo để chi trả cho các đối tượng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 12.623.350.000 đồng (nguồn kinh phí đã bố trí tại ý thứ 11 và ý thứ 13, mục 1, phần III, Biểu số 02/DTNS ban hành kèm theo Quyết định số 4073/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh);

- Ngân sách cấp huyện: 994.750.000 đồng;

- Ngân sách cấp xã: 497.375.000 đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:**1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT:**

- Ban hành văn bản, kèm theo phụ lục chi tiết đối tượng, số tiền được hỗ trợ (như đề nghị của liên ngành tại Văn bản số 04/LN-SNN-STC-NSHX ngày 03/01/2014) để các địa phương, đơn vị có cơ sở giải ngân nguồn kinh phí hỗ trợ các đối tượng được thụ hưởng kịp thời.

- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện chính sách đảm bảo kịp thời, có hiệu quả thiết thực; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện đảm bảo đúng mục đích, đối tượng, điều kiện hỗ trợ.

2. UBND các huyện, thành phố, thị xã:

- Trích ngân sách cấp huyện và chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn trích ngân sách cấp xã từ các nguồn tăng thu ngân sách địa phương, sự nghiệp kinh tế và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện chính sách theo đúng quy định.

- Thực hiện hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, đối tượng, lập đầy đủ hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán theo hướng dẫn của liên ngành Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1786/LN/STC-SNN&PTNN ngày 10/10/2011.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; các đơn vị có tên tại Phụ lục kèm theo và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Tổng Công ty KS và TM Hà Tĩnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NL.

THU

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Kim Cự



**KINH PHÍ HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH
PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2013**

(Kèm theo Quyết định số **76** /QĐ-UBND ngày **07/01/2014** của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Kinh phí hỗ trợ	Trong đó		
			NS tỉnh	NS huyện	NS xã
	Tổng cộng	14.115.475	12.623.350	994.750	497.375
I	Khối huyện, thành phố, thị xã	10.271.783	8.779.658	994.750	497.375
1	Huyện Thạch Hà	1.250.713	1.063.106	125.071	62.536
2	Huyện Hương Khê	1.239.090	1.053.227	123.909	61.955
3	Huyện Nghi Xuân	170.200	148.840	14.240	7.120
4	Thị xã Hồng Lĩnh	71.800	62.800	6.000	3.000
5	Huyện Đức Thọ	681.600	584.250	64.900	32.450
6	Huyện Hương Sơn	2.202.290	1.880.872	214.279	107.140
7	Huyện Can Lộc	353.400	308.040	30.240	15.120
8	Huyện Vũ Quang	166.100	148.100	12.000	6.000
9	Huyện Kỳ Anh	2.211.260	1.893.893	211.578	105.789
10	Huyện Cẩm Xuyên	1.296.731	1.102.221	129.673	64.837
11	Thành phố Hà Tĩnh	58.800	49.980	5.880	2.940
12	Huyện Lộc Hà	569.800	484.330	56.980	28.490
II	Khối các Doanh nghiệp, tổ chức	3.654.217	3.654.217		
1	Công ty CP chăn nuôi Mitraco	842.645	842.645		
2	Công ty CP Phát triển Nông Lâm Hà Tĩnh	2.156.798	2.156.798		
3	Công ty cổ phần chè Hà Tĩnh	516.914	516.914		
4	Tổng đội Thanh niên xung phong xây dựng kinh tế mới Tây Sơn	137.860	137.860		
III	Các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT	189.475	189.475		
1	Trung tâm Khuyến nông	70.835	70.835		
2	Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT	8.640	8.640		
3	Chi cục Phát triển nông thôn	110.000	110.000		

UBND TỈNH HÀ TĨNH 